

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT
Ngày 10-01-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Văn Viên

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đắc Dương

Ông Đặng Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLPT-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thành phần gồm Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký phiên tòa. Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D thành phần các đương sự

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2022/QĐPT-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số 06/TB-TA, ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu E (Thu Thanh), sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Bà Tô Thị Thùy T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh

- Người kháng cáo: Bà Tô Thị Thùy T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu E trình bày:

Ngày 05/11/2020, bà có cho bà Tô Thị Thùy T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỉ đồng) có viết biên nhận. Thời hạn vay 01 ngày, lãi suất 1.000.000 đồng/ ngày/ một tỷ. Mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, thời hạn trả là ngày 06/11/2020, đến hạn nhưng bà T không trả và cứ hẹn nhiều lần. Đến tháng 01/2021 bà T có trả cho bà Thu E 02 lần với tổng số tiền là 150.000.000 đồng thì ngừng không trả cho đến nay. Nay bà Võ Thị Thu E yêu cầu bà Tô Thị Thùy T trả số tiền còn nợ bằng 850.000.000 đồng và xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 54.400.000 đồng.

Theo bị đơn bà Tô Thị Thùy T trình bày: Ngày 05/11/2020 anh Nguyễn Vũ P (nay đã chết) có gọi điện cho bà hỏi vay số tiền hai tỷ đồng, nhưng bà không có tiền. Sau đó, bà Thu E và anh Lê Phi L mỗi người góp một tỷ đồng để chuyển khoản vào số tài khoản của anh Nguyễn Vũ P nên số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỉ đồng) này là bà E cho anh P vay, không phải cho bà vay. Bà T thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 05/11/2020 là của bà ký, lý do bà ký biên nhận vay cho bà Thu E số tiền một tỷ đồng là do bà E hứa sẽ cho bà được hưởng tiền hoa hồng (tiền cò) là 500.000 đồng nếu giao dịch thành công. Sau khi anh Nguyễn Vũ P chết, lúc này bà E quay qua yêu cầu bà T trả số tiền 1.000.000.000 đồng, do bà Thu E gây áp lực bằng cách thuê người đòi nợ đến quấy rối gia đình bà, nên buộc bà T phải trả trước cho bà Thu E số tiền 150.000.000 đồng. Vì vậy, đối với việc bà E yêu cầu bà tiếp tục trả số tiền 850.000.000 đồng, thì bà không đồng ý trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2022 anh Lê Phi L trình bày: Vào ngày 05/11/2020 tại quán nước bà B trong khuôn viên của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã D, bà Tô Thị Thùy T có vay của bà E số tiền một tỷ đồng và vay của anh số tiền một tỷ đồng để bà T cho anh Nguyễn Vũ P vay lại. Sau đó, bà T có nhờ anh đến Ngân hàng để chuyển khoản số tiền hai tỷ đồng vào tài khoản của anh Nguyễn Vũ P. Trên phiếu chuyển tiền có ghi “TO THI THUY TRANG CHUYỂN TIỀN” là do bà T yêu cầu anh L ghi nội dung này.

Tại bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 232; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 12; Điều 14; Điều 15 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu E: Buộc bà Tô Thị Thùy T phải trả cho bà Võ Thị Thu E số tiền vay còn nợ bằng 850.000.000 (*Tám trăm năm mươi triệu*) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2022, bà Tô Thị Thùy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D, bà T không đồng ý trả số tiền bằng 850.000.000 đồng cho bà Võ Thị Thu E.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát Viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy bà Thu E có cho bà Thùy T vay số tiền 1.000.000.000 đồng là có thật, quá trình vay bà Thùy T đã trả được 150.000.000 đồng. Bà T cho rằng số tiền một tỷ là bà Thu E cho anh Nguyễn Vũ P vay không phải bà vay là không có căn cứ. Bởi trên thực tế việc vay tiền giữa bà T và bà Thu E là có biên nhận và phù hợp với lời khai của người làm chứng là anh Lê Phi L khai tại quán nước bà B trước khuông viên Ngân hàng nông nghiệp đích thân anh L chứng kiến bà Thu E đưa cho bà T một tỷ và có viết biên nhận nợ ngày 05/11/2020, anh L đưa bà T một tỷ và có viết biên nhận nợ, các biên nhận này điều do bà T ký nhận vào cùng một ngày. Bà E nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ thì bà T đã trả được 150.000.000 đồng còn lại 850.000.000 đồng chưa trả nên bà E khởi kiện bà T trả gốc còn lại là 850.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà T không đồng ý trả số tiền 850.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[01] Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[02] Bà Tô Thị Thùy T kháng cáo không đồng ý trả số tiền 850.000.000 đồng cho bà Võ Thị Thu E, vì bà T cho rằng bà không có vay tiền của bà Thu E mà số tiền này là do bà Thu E cho anh Nguyễn Vũ P vay để đáo hạn Ngân hàng.

Xét thấy, bà Thu E khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 850.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện là biên nhận nợ ngày 05/11/2020 thể hiện “Tô Thị Thùy T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích là đáo hạn ngân hàng, thời gian trả là 01 ngày” biên nhận có chữ ký của bà Tô Thị Thùy T (BL 06), sau đó bà T có trả cho bà Thu E số tiền 150.000.000 đồng. Việc ký tên trên biên nhận nợ và sự kiện bà T trả cho bà Thu E số tiền 150.000.000 đồng được bà T thừa nhận trong các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải (BL 20, 21, 30) nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bà T cho rằng bà Thu E cho anh Vũ P vay tiền chứ không phải bà T vay, việc bà có ký tên vào biên nhận là do bà Thu E hứa cho tiền cò (nhưng thực tế không có cho) nếu giao dịch thành công. Xét thấy lời trình bày của bà T là không có căn cứ. Bởi lẽ, ngoài biên nhận tiền ngày 05/11/2020, thì còn có lời khai của người làm chứng là anh Lê Phi L trực tiếp thấy bà T vay tiền của bà Thu E 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và vay của anh L một tỷ đồng để cho anh P vay, đồng thời nhờ anh L đến Ngân hàng chuyển tiền qua tài khoản của anh Nguyễn Vũ P (BL 32), phiếu chuyển tiền ngày 05/11/2020 thể hiện “Tô Thị Thùy T chuyển tiền” (BL 26), ngoài ra bà T thừa nhận có trả cho bà Thu E số tiền 150.000.000 đồng và số tiền này là bà T trả cho khoản tiền một tỷ đồng theo biên nhận ngày 05/11/2020, mặc dù bà T khai việc trả số tiền 150.000.000 đồng là do bà Thu E gây áp lực lớn cho gia đình bà, nhưng đây chỉ là lời trình bày của cá nhân bà T không có căn cứ nào chứng minh. Bà T kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ nào mới chứng minh cho việc kháng cáo của mình, nên bà phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

Từ những chứng cứ và tình tiết như đã phân tích, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu E là có cơ sở. Kháng cáo của bà Tô Thị Thùy T là không có căn cứ chấp nhận.

[03] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[04] Về án phí phúc thẩm: Bà Tô Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Tô Thị Thùy T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu E.

Buộc bà Tô Thị Thùy T phải trả cho bà Võ Thị Thu E số tiền bằng 850.000.000 (*Tám trăm năm mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Tô Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012267, ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Tổng Văn Viên